

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HS-ST
Ngày 21 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Nguyên.

Bà Hoàng Thị Lá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 836/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/HSST-QĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1990 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng Phòng L, T, X – D huyện C, là Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 124-QĐ/UBKTHU ngày 18/12/2019, số 132-QĐ/UBKTHU ngày 05/5/2020 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy C; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 1963; có vợ Ninh Khánh H, sinh năm 1991 và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự không có; nhân thân chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 05 tháng 12 năm 2019 đến nay. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Phòng L, T, X – D huyện C, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:* Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1978 – Phó Trưởng Phòng; địa chỉ: Phòng L, T, X – D huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền số: 45/GUQ-PLĐ,TB,XH-DT ngày 19 tháng 8 năm 2020). Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đoàn Thu T2, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
2. Ông Nguyễn Sỹ H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
3. Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
4. Bà Nông Thị H2, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
5. Ông Nguyễn Chiến T3, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
6. Bà Lương Thị Phi N, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn B, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
7. Ông Bùi Mạnh H3, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
8. Ông Lương Văn V, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
9. Bà Lê Thanh H4, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn M, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
10. Ông Lý Chung T4, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
11. Chị Mã Thị Hoàng Y, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
12. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn M, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
13. Anh Lương Thanh T5, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. Chị Chu Thị T6, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
15. Anh Vi Thiện V1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
16. Bà Vi Thị Tổ U1, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
17. Chị Vi Thị Thu H5, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn R - C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
18. Anh Mã Vĩnh T7, sinh năm 1988; địa chỉ: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
19. Chị Hoàng Thị T8, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
20. Chị Giáp Thị K, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
21. Anh Lăng Văn D, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

22. Chị Vi Thị Hồng H6, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
23. Chị Lê Hồng H7, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
24. Chị Triệu Thị Thu H8, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
25. Anh Nguyễn Trung C, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
26. Ông Ma Văn Q, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
27. Chị Lý Thị H9, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
28. Chị Lưu Quỳnh N2, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
29. Anh Nông Văn T8, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
30. Anh Hoàng Văn T9, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
31. Chị Lương Thị K1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
32. Anh Kiên Văn T10, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
33. Chị Đàm Thị H10, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
34. Anh Hoàng Văn H11, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
35. Chị Hoàng Thị N3, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn G, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
36. Anh Hoàng Văn H12, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
37. Chị Hoàng Thị V2, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
38. Chị Chu Thị Kim T11, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
39. Chị Triệu Thị M, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
40. Ông Hoàng Văn V3, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
41. Ông Nông Đức Q, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
42. Ông Nông Văn N4, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

43. Bà Phạm Thị T12, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
44. Bà Nông Thị T13, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
45. Bà Lý Thị P, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
46. Ông Nông Triều K2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
47. Ông Chu Văn T14, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
48. Bà Lộc Thị V4, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
49. Ông Trần Thế C1, sinh năm 1953; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
50. Bà Lộc Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
51. Bà Nông Thị T15, sinh năm 1946; địa chỉ: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
52. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
53. Ông Hoàng Văn E, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
54. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
55. Ông Hoàng Văn S1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
56. Bà Hoàng Thị T16, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
57. Bà Lục Thị O, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
58. Ông Triệu Văn D1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
59. Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
60. Bà Vi Thị E1, sinh năm 1936; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
61. Ông Hoàng Văn M1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
62. Anh Nông Văn K3, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
63. Ông Hoàng Thế S1, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

64. Anh Hoàng Thế T17, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
65. Ông Hoàng Ngọc L1, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
66. Chị Dương Thị H13, sinh năm 1986; địa chỉ: Phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
67. Anh Nguyễn Văn T18, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
68. Anh Nguyễn Văn T19, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
69. Ông Vi Minh H14, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
70. Anh Trần Văn Q1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
71. Chị Vương Thùy L2, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
72. Bà Hoàng Thị H15, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
73. Bà Hoàng Thị D2, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh T là nhân viên hợp đồng (theo Nghị định 68/NĐ-CP của C) tại Phòng L, T, X – D huyện C từ ngày 01 tháng 4 năm 2013. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 Nguyễn Mạnh T được phân công nhiệm vụ bảo vệ tài sản của đơn vị; phụ trách công tác Bảo vệ chăm sóc trẻ em, thẻ bảo hiểm y tế trẻ em; thủ quỹ đơn vị và một số nhiệm vụ khác. Sau khi được giao nhiệm vụ thủ quỹ, Nguyễn Mạnh T là người trực tiếp thực hiện thu các loại quỹ, rút các khoản kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chi trả các khoản trợ cấp, thực hiện các hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Phòng. Các khoản kinh phí rút về chưa thực hiện ngay được để trong 02 chiếc két sắt của cơ quan, do riêng Nguyễn Mạnh T quản lý, sử dụng gồm 01 chiếc có kích thước 50 x 35 x 80cm (két sắt nhỏ) và 01 chiếc có kích thước 60 x 43 x 100cm (két sắt to) để tại phòng làm việc bộ phận kế toán, phụ trách trẻ em, trong phòng có Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Sỹ H1 là kế toán của Phòng.

Từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 18 tháng 10 năm 2019, Nguyễn Mạnh T đã nhiều lần lấy tiền ngân sách nhà nước được giao quản lý trong chiếc két sắt to để sử dụng chi tiêu cá nhân. Có tháng Nguyễn Mạnh T lấy tiền một lần, có tháng lấy nhiều lần, mỗi lần lấy ít nhất là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), nhiều nhất là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), do có nhiều nguồn kinh phí khác nhau,

nên Nguyễn Mạnh T không nhớ cụ thể mỗi lần lấy từ nguồn nào. Ba lần lấy tiền gần nhất là ngày 02/9/2019 lấy 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); ngày 01/10/2019 lấy 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và ngày 18/10/2019 lấy 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), trong đó sử dụng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) nộp cho bà Nông Thị H2 tiền học phí lớp Đại học tại chức chuyên ngành Luật, còn lại đã chi tiêu cá nhân hết.

Sáng ngày 18 tháng 11 năm 2019, sau khi thực hiện chi trả tiền trợ cấp cho ông Hoàng Văn H – Công chức xã B, huyện C, Nguyễn Mạnh T thấy trong chiếc két sắt to hết tiền, biết bản thân không có khả năng bù đắp các khoản đã chiếm đoạt, Nguyễn Mạnh T nảy sinh ý định tạo hiện trường giả vụ trộm cắp tài sản mục đích để không phải hoàn trả lại tiền. Chiều ngày 18 tháng 11 năm 2019, sau khi hết giờ làm việc, Nguyễn Mạnh T không khóa cửa chiếc két sắt to mà chỉ khép hờ rồi đi về. Đến sáng ngày 19 tháng 11 năm 2019, Nguyễn Mạnh T đến cơ quan làm việc, báo cho ông Nguyễn Sỹ H1 và bà Đoàn Thu T2 là Nguyễn Mạnh T phát hiện cửa chiếc két sắt to để tiền mặt của đơn vị do Nguyễn Mạnh T được giao quản lý bị mở, bị mất trộm toàn bộ số tiền trong chiếc két sắt. Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ 01 ổ khóa và 02 chìa khóa mở ổ khóa cửa phòng làm việc bộ phận kế toán, phụ trách trẻ em; 01 ổ khóa két sắt và một số dấu vết đường vân.

Tại bản Kết luận giám định số 20/GĐ-PC09 ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Các dấu vết đường vân được phát hiện trên tay nắm cầm bên ngoài cánh cửa két sắt và vân tay trên danh chỉ bản ghi tên Nguyễn Mạnh T là dấu vân tay của cùng một người.

Tại bản Kết luận giám định số 34/KLGD-PC09 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: 02 ổ khóa ghi thu tại cửa phòng làm việc bộ phận kế toán, phụ trách trẻ em và cửa két sắt gửi giám định đều không phát hiện có dấu vết cạy phá (dấu vết lạ) do vật cứng có cạnh tạo ra.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, Phòng L, T, X – D huyện C lập biên bản kiểm tra, đối chiếu sổ sách giữa Trưởng phòng bà Đoàn Thu T2, kế toán ông Nguyễn Sỹ H1 và Nguyễn Mạnh T, xác định số tiền bị mất do Nguyễn Mạnh T chiếm đoạt là 405.016.900 đ (bốn trăm linh năm triệu, không trăm mười sáu nghìn, chín trăm đồng) bao gồm các khoản: 1. Phóng sự ngày công tác xã hội, số tiền 2.000.000 đồng; 2. Làm thêm giờ cho người thực hiện công tác quản lý tháng 5,6,8,9,10/2019, số tiền 20.000.000 đồng; 3. Kinh phí rà soát hộ nghèo năm 2019, số tiền 22.170.000 đồng; 4. Công tác phí chương trình giảm nghèo, số tiền 16.100.000 đồng; 5. Lệ phí chi trả công tác quản lý tháng 11/2019 cho các xã, số tiền 31.128.000 đồng; 6. Chương trình tập huấn 135 cho các xã, số tiền 37.040.000 đồng; 7. Trợ cấp tháng 11/2019 cho người có công xã L, số tiền 5.108.000 đồng; 8. Trợ cấp một lần cho người có công với cách mạng, số tiền 206.445.000 đồng; 9. Phục vụ Đại hội dân tộc huyện lần thứ III, số tiền 39.900.000 đồng; 10. Hội nghị tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, số tiền 7.680.000 đồng; 11. Trợ cấp thù lao cho cán bộ xã thực hiện chi trả kinh phí người có công tháng 8,9,10/2019, số tiền 17.445.900 đồng.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định khởi tố vụ án; tiến hành điều tra đến ngày 05 tháng 12 năm 2019, Nguyễn Mạnh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi Tham ô tài sản với 11 khoản có tổng số tiền 405.016.900 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 13 tháng 01 năm 2020 đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Mạnh T là ông Nguyễn Mạnh H bố đẻ bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 405.016.900 đồng để khắc phục hậu quả. Ngày 17 tháng 01 năm 2020 Cơ quan điều tra tiến hành trả lại tài sản cho Phòng L, T, X – D huyện C do người đại diện hợp pháp là bà Đoàn Thu T2 – Trưởng phòng đã nhận số tiền 405.016.900 đồng và 01 ổ khóa; 02 chìa khóa mở ổ khóa cửa phòng làm việc; 01 ổ khóa kết sắt.

Vật chứng hiện đang tạm giữ: Số tiền 6.000.000 đồng là tiền bị cáo Nguyễn Mạnh T nộp học phí vào ngày 19 tháng 10 năm 2019 do bà Nông Thị H2 người thu tiền của bị cáo Nguyễn Mạnh T đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Cáo trạng số: 37/CT-VKSCL ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội Tham ô tài sản theo điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trả lại số tiền 6.000.000 đồng cho ông Nguyễn Mạnh H bố của bị cáo.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm buộc tội bị cáo, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội Tham ô tài sản. Áp dụng điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, Điều 50, 54 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T từ 05 năm đến 06 năm tù. Hình phạt bổ sung, áp dụng khoản 5 Điều 353 BLHS, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 02 năm đến 03 năm đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không đề nghị xem xét. Về xử lý vật chứng, áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H bố bị cáo Nguyễn Mạnh T số tiền 6.000.000 đồng. Về kiến nghị, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn kiến nghị với các cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý nhà nước, công tác tài chính kế toán đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; tăng cường các công tác kiểm tra, đôn đốc để bảo đảm cho pháp luật được tuân thủ một cách nghiêm chỉnh và thống nhất.

Không ai có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Mạnh T xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trước đó họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản kiểm tra, đối chiếu sổ sách giữa Trưởng Phòng L, T, X – D huyện C bà Đoàn Thu T2, kế toán ông Nguyễn Sỹ H1 và bị cáo Nguyễn Mạnh T; phù hợp lời khai của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 18 tháng 10 năm 2019, bị cáo Nguyễn Mạnh T là nhân viên hợp đồng (theo Nghị định 68/NĐ-CP của C) tại Phòng L, T, X – D huyện C, được giao nhiệm vụ làm thủ quỹ đơn vị, quản lý kết sất và quỹ tiền mặt, thu, nộp các khoản theo chương trình, kế hoạch của Phòng. Đã nhiều lần chiếm đoạt tiền ngân sách nhà nước được giao quản lý, trong đó có khoản trợ cấp một lần cho người có công với cách mạng, số tiền 206.445.000 đồng và ba lần lấy tiền gần nhất là ngày 02 tháng 9 năm 2019 lấy 10.000.000đ (mười triệu đồng); ngày 01 tháng 10 năm 2019 lấy 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và ngày 18 tháng 10 năm 2019 lấy 8.000.000đ (tám triệu đồng), mục đích sử dụng chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền chiếm đoạt là 405.016.900đ (bốn trăm linh năm triệu, không trăm mười sáu nghìn, chín trăm đồng). Hành vi của bị cáo Nguyễn Mạnh T đã phạm tội Tham ô tài sản theo điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Mạnh T là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, đơn vị, vi phạm các nguyên tắc, chính sách, chế độ quản lý tài sản thuộc lĩnh vực công tác chuyên môn được giao. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức được việc cố ý làm trái các quy định của nhà nước trong phạm vi, quyền hạn được giao là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân, không làm chủ được bản thân nên đã cố tình thực hiện phạm tội. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Mạnh T không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Tình tiết tăng nặng không có. Tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Mạnh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; lần đầu phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại khắc phục hậu quả cho Phòng L, T, X – D huyện C; được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có mẹ đẻ bà Nguyễn Thúy N có thời gian công tác tại địa phương, được tặng Giấy khen, Bằng khen, Kỷ niệm chương của các cấp, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Vì vậy, xét lời luận tội của Kiểm sát viên đề nghị về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo từ 05 năm đến 06 năm là cao. Xét thấy bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên việc Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T dưới mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự, vẫn đảm bảo đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Đề nghị về mức hình phạt của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Nguyễn Mạnh T ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định với mức hình phạt phù hợp, để cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục bị cáo, sự nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải.

[9] Đối với người liên quan đến sai phạm của bị cáo Nguyễn Mạnh T gồm bà Đoàn Thu T2, Trưởng Phòng L, T, X – D huyện C là người đứng đầu đơn vị và ông Nguyễn Sỹ H1, Kế toán Phòng L, T, X – D huyện C, đã thực hiện đầy đủ các quy định về tài chính, kế toán, hàng tháng kiểm tra sổ sách và lập biên bản kiểm tra quỹ tiền mặt, khi kiểm tra có mở kết sắt ra, tuy nhiên không trực tiếp kiểm đếm số lượng tiền mặt cụ thể đã không phát hiện việc bị cáo Nguyễn Mạnh T chiếm đoạt tiền ngân sách Nhà nước. Nhưng sau khi sự việc xảy ra, bà Đoàn Thu T2 đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan khắc phục, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo hoạt động của Phòng không bị gián đoạn ảnh hưởng đến quyền lợi của các đối tượng chính sách. Do đó, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự bà Đoàn Thu T2, ông Nguyễn Sỹ H1 nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xem xét trách nhiệm trong công tác quản lý, công tác tài chính kế toán đối với những người liên quan đến sai phạm của bị cáo Nguyễn Mạnh T gồm bà Đoàn Thu T2, Trưởng Phòng L, T, X – D huyện C, tỉnh Lạng Sơn là người đứng đầu đơn vị và đối với ông Nguyễn Sỹ H1, Kế toán Phòng L, T, X – D huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, cụ thể: Kiến nghị bà Đoàn Thu T2, trong

công tác quản lý đơn vị cần phân công nhiệm vụ Thủ quỹ cho cán bộ công chức, nhân viên phù hợp năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi được tuyển dụng; nâng cao trách nhiệm trong công tác Tài chính - Kế toán của đơn vị; kiến nghị ông Nguyễn Sỹ H1, trong công tác chuyên môn cần thực hiện đúng quy định của nhà nước về công tác tài chính kế toán theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Mạnh T sống cùng bố mẹ, không có tài sản chung, riêng, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T. Do vậy, không chấp nhận đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận ngày 13 tháng 01 năm 2020 đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Mạnh T là ông Nguyễn Mạnh H bố đẻ bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 405.016.900 đồng để khắc phục hậu quả. Ngày 17 tháng 01 năm 2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn tiến hành trả lại tài sản cho Phòng L, T, X – D huyện C do người đại diện hợp pháp là bà Đoàn Thu T2 – Trưởng phòng đã nhận số tiền 405.016.900 đồng và 01 ổ khóa; 02 chìa khóa mở ổ khóa cửa phòng làm việc; 01 ổ khóa kết sắt. Sau đó, Phòng L, T, X – D huyện C đã thực hiện chi trả, thanh toán xong toàn bộ quyền lợi của các đối tượng chính sách và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến số tiền bị cáo Nguyễn Mạnh T đã tham ô. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 6.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Mạnh T nộp học phí lớp cao học, do cho bà Nông Thị H2 nộp lại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn là tiền bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội mà có. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền bị cáo phạm tội mà có đã được đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Mạnh T là ông Nguyễn Mạnh H bố bị cáo giao nộp lại để khắc phục hậu quả cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh T có yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại số tiền 6.000.000 đồng cho ông Nguyễn Mạnh H, do vậy, cần trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 6.000.000 đồng. Vì không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án.

[13] Bị cáo Nguyễn Mạnh T là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, Điều 50, Điều 54 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình

sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội Tham ô tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05 tháng 12 năm 2019.
3. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận ngày 13 tháng 01 năm 2020 đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Mạnh T là ông Nguyễn Mạnh H bố đẻ bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 405.016.900 đồng để khắc phục hậu quả. Ngày 17 tháng 01 năm 2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn tiến hành trả lại tài sản cho Phòng L, T, X – D huyện C do người đại diện hợp pháp là bà Đoàn Thu T2 – Trưởng phòng đã nhận số tiền 405.016.900 đồng và 01 ổ khóa; 02 chìa khóa mở ổ khóa cửa phòng làm việc; 01 ổ khóa kết sắt. Phòng L, T, X – D huyện C đã thực hiện chi trả, thanh toán xong toàn bộ quyền lợi của các đối tượng chính sách và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.
4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 6.000.000 đồng, được niêm phong trong 01 phong bì còn nguyên niêm phong theo biên bản niêm phong ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, bên trong có số tiền 6.000.000 đồng.
(Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 6 năm 2020).
5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.
6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Cơ quan điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện C;
- Nhà tạm giữ Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. Héi @àng xĐt xö s- thÈm
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Huyền

